TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **320/2016/**QĐST- HNGĐ	*Tân phú, ngày 19 tháng 04 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 186, Điều 187 và Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, đã sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 04 năm 2016 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 276/2016/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2016.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 04 năm 2016 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:

Ông BFGHGHNRGHJ – sinh năm 1976

Bà HFHFGHFGH – sinh năm 1979

Cùng địa chỉ : 200/2 HFGH, phường HFGHGF, quận HG, Tp.HGFH

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông BFGHGHNRGHJ – sinh năm 1976

Bị đơn: Bà HFHFGHFGH – sinh năm 1979

Cùng địa chỉ : 200/2 HFGH, phường HFGHGF, quận HG, Tp.HGFH

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông BFGHGHNRGHJ và bà HFHFGHFGH thuận tình ly hôn, quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyển số 01/2000,

ngày 14/02/2000 của Ủy ban nhân dân phường BBVV, huyện XDSD (nay là phường JKK, quận DSFF) chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung : Hai bên đương sự xác nhận có 02 người con chung là trẻ GFHFH – sinh ngày 21/10/2000 và FGJHJKYJK – sinh ngày 27/07/2002. Hai bên đương sự xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung: Hai bên đương sự khai không có

- Về án phí : Ông BFGHGHNRGHJ phải nộp 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002331 ngày 24/03/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn trả cho ông BFGHGHNRGHJ số tiền còn lại theo biên lai thu tiền trên.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Quận Tân Phú;
- UBND các đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hiển